

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI



THỜI KHÓA BIỂU TOÀN TRƯỜNG HỌC KỲ 01 NĂM HỌC 2025-2026

Đợt 5, từ ngày 06/10/2025 đến ngày 29/11/2025

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian	Phòng học
1	DT2130	Cấp thoát nước và vệ sinh môi trường nông thôn	2	DT2130_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	(DT) Nguyễn Tiến Dũng	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	M7.01
2	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_BS1	3/11 3/11	30/11 30/11	Đỗ Xuân Tùng	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M7.01
3	XD3012	Cơ học công trình	3	Ghép_XD3002_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	
4	XD3005	Cơ học kết cấu 1	2	XD3005_BS	3/11 3/11	30/11 30/11	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M7.02
5	XD3005.2	Cơ kết cấu 1	2	Ghép_XD3005_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
6	MT8410	Công nghệ may trang phục 4	2	Ghép_NM8410.1_BS	6/10 6/10	30/11 23/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
7	NM8410.1	Công nghệ may trang phục 4	2	NM8410.1_BS	6/10 6/10	30/11 23/11	Phạm Thị Yến	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M20.1_A
8	QL4725.1	ĐA QL1 - Quản lý công trình kiến trúc	2	QL4725.1_BS	6/10 6/10	30/11 23/11	Nguyễn Ngọc Quân	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M7.03
9	QL4611	Đất đai và bất động sản	2	QL4611_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Phạm Thị Thanh Mừng	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M7.05
10	QL5017.1	Đầu thầu trong xây dựng	2	QL5017.1_BS	3/11 3/11	30/11 30/11	Phạm Văn Đạt	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M7.06
11	XD3103.2	Địa chất công trình và cơ học đất	2	XD3103.2_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	(XD) Nguyễn Tiến Dũng	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M7.07
12	XD3502	Đồ án Kỹ thuật thi công 1	2	Ghép_XD3502.2_BS	6/10 6/10	30/11 23/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
13	XD3502.2	Đồ án kỹ thuật thi công 1	2	XD3502.2_BS	6/10 6/10	30/11 23/11	Phạm Minh Đức	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M7.01
14	XD3503.1	Đồ án kỹ thuật thi công 2	1	Ghép_XD3503_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
15	XD3503	Đồ án Kỹ thuật thi công 2	1	XD3503_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Ngô Quang Tuấn	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M8.01
16	XD3107	Đồ án Nền và móng	2	Ghép_XD3107.2_BS	6/10 6/10	30/11 23/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
17	XD3107.2	Đồ án Nền và móng	2	XD3107.2_BS	6/10 6/10	30/11 23/11	Nguyễn Ngọc Thanh	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M7.02
18	DAQH	Đồ án quy hoạch	5	DAQH_BS	6/10 6/10 6/10	4/1 28/12 28/12	Đỗ Trần Tín	Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M603_ĐA XD
19	DACT03	Đồ án thiết kế công trình 3	5	DACT03_BS	6/10 6/10 6/10	4/1 28/12 28/12	Vũ Đức Hoàng	Thứ 3(T13-16)Thứ 7(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M16.5_X K4
20	DACT06	Đồ án thiết kế công trình 6	5	DACT06_BS	6/10 6/10 6/10	4/1 28/12 28/12	Nguyễn Trần Liêm	Thứ 3(T13-16)Thứ 7(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M602.XQ T3A



21	XD3526	Đồ án tổ chức thi công	2	XD3526_BS	3/11 3/11	30/11 30/11	Trần Trọng Tuấn	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M8.05
22	DT2111.2	Đồ án xử lý nước thải đô thị	2	DT2111.2_BS	6/10 6/10	30/11 23/11	Hà Xuân Ánh	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M7.03
23	QL5029.1	Giám sát, đánh giá dự án đầu tư	2	QL5029.1_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Lê Anh Dũng	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	Online
24	QL5025	Hạch toán kế toán xây dựng	3	QL5025_BS	20/10 27/10	30/11 30/11	Lê Công Thành	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M9.01
25	DT2108.1	Hệ thống cấp nước	3	DT2108.1_BS	6/10 6/10	16/11 9/11	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M7.05
26	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kĩ thuật	2	KT0101.1_BS1	3/11 3/11	30/11 30/11	Lê Hương Giang	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	Online
27	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kĩ thuật	2	KT0101.1_BS3	6/10 6/10	2/11 2/11	Lê Hương Giang	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	Online
28	XD3312	Kết cấu thép bản	2	Ghép_XD3314.2_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M7.06
29	XD3314.2	Kết cấu thép và liên hợp nhà cao tầng	2	XD3314.2_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Hoàng Ngọc Phương	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M7.07
30	KCXD01	Kết cấu và xây dựng 1	2	KCXD01_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Trần Thị Thúy Vân	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M9.07
31	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_BS	6/10 6/10	16/11 9/11	Trần Ngọc Trinh	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	M7.02
32	XD3320	Kết cấu và xây dựng 3	2	XD3320_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Phan Thanh Lượng	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	M7.03
33	XD3002.1	Kết cấu xây dựng 1	3	Ghép_XD3002_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	
34	DT2021	Khai thác đường	2	DT2021_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Nguyễn Mạnh Hùng	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	Online
35	QL5013	Kinh tế máy xây dựng	2	QL5013_BS	3/11 3/11	30/11 30/11	Bùi Thị Ngọc Lan	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	M7.03
36	DT2427	Kỹ thuật chiếu sáng công trình	2	DT2427_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Vũ Hữu Thắng	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	M7.05
37	QL5034.1	Lập và phân tích dự án xây dựng	2	QL5034.1_BS	3/11 3/11	30/11 30/11	Vũ Phương Ngân	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	Online
38	MT8507	Lịch sử nghệ thuật	2	Ghép_NM0207_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	
39	NM0207	Lịch sử nghệ thuật	2	NM0207_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Đinh Quang Mạnh	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	M7.06
40	MT8509	Mĩ học	2	Ghép_NM0209_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M8.01
41	NM0209	Mĩ học	2	NM0209_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Cao Thị Vân	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	Online
42	QL5561	Nguyên lý kế toán	3	QL5561_BS	6/10 6/10	16/11 9/11	Lê Thị Yến	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	Online
43	QL5519	Phương pháp đo bóc khối lượng	2	Ghép_QL5012.1_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
44	QL5012.1	Phương pháp đo bóc khối lượng	2	QL5012.1_BS	3/11 3/11	30/11 30/11	Đinh Thủy Hà	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M8.05
45	DT2114	QH cấp thoát nước/ QH ML cấp nước ĐT	2	Ghép_DT2114.1_BS	3/11 3/11	30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	

46	DT2114.1	Quy hoạch cấp thoát nước	2	DT2114.1_BS	3/11 3/11	30/11 30/11	Nguyễn Thanh Thư	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M9.06
47	QH1105	Quy hoạch phát triển đô thị bền vững	2	QH1105_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Nguyễn Hồng Quang	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	M8.01
48	XD3001	Sức bền vật liệu 1	2	XD3001_BS	3/11 3/11	30/11 30/11	Đào Ngọc Tiến	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	M8.05
49	QHDQ14	Thiết kế cảnh quan 2 - TKCQ Khu chuyên dụng	4	QHDQ14_BS	6/10 6/10 6/10	14/12 14/12 14/12	Trần Văn Khánh	Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M12.2_X QH1
50	NM8205.1	Thiết kế nội thất 5	3	Ghép_NT82051_BS	6/10 6/10 10/11	30/11 30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)Thứ 7(T13-16)	
51	NT82051	Thiết kế nội thất 5	3	NT82051_BS	6/10 10/11 6/10	30/11 30/11 30/11	Nguyễn Thị Ngọc	Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M8.02_X NT1
52	NM8206	Thiết kế nội thất 6	3	Ghép_NT82051_BS	6/10 10/11 6/10	30/11 30/11 30/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
53	MT8121	Thiết kế ứng dụng chữ	2	Ghép_NM8121_BS	6/10 6/10	30/11 23/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	
54	NM8121	Thiết kế ứng dụng chữ	2	NM8121_BS	6/10 6/10	30/11 23/11	Bế Diễm Nương	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	M19.1_D H.A
55	KT0405	Thiết kế ý tưởng	2	KT0405_BS	6/10 6/10	30/11 30/11	Nguyễn Trí Thành	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M15.5_X K2
56	QH1607	Thực vật đô thị	2	QH1607_BS	3/11 3/11	30/11 30/11	Ngô Kiên Thi	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M9.07
57	DT2101	Thủy lực 1	2	DT2101_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Phạm Thị Bình	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M9.06
58	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_BS1(NK)	6/10 6/10	2/11 2/11	Chu Anh Đạt	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	Online
59	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_BS2(NK)	6/10 6/10	2/11 2/11	Nguyễn Thị Vân Hà	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	Online
60	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_BS	6/10 6/10	16/11 9/11	Nguyễn Thị Hòa	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	Online
61	NN3700.1	Tiếng Anh tăng cường P1	3	NN3700.1_BS	6/10 6/10	16/11 9/11	Mai Lan Phương	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	Online
62	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_BS	6/10 6/10	16/11 9/11	Đặng Minh ANh	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	Online
63	NN3800.2	Tiếng Pháp tăng cường P2	3	NN3800.2_BS	6/10 6/10	16/11 9/11	Trần Ngọc Mai	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	Online
64	TH4482	Tin học ứng dụng	2	Ghép_TH4419_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	
65	TH4408	Tin học ứng dụng	2	ghép_TH4428_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
66	TH4419	Tin học ứng dụng	2	TH4419_BS	6/10 6/10	16/11 9/11	Đàm Văn Thành	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	M5.05
67	TH4428	Tin học ứng dụng (KX)	2	TH4428_BS	6/10 6/10	16/11 9/11	Trần Văn Tám	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M5.03
68	TH4415	Tin học ứng dụng ngành Kiến trúc 1	2	Ghép_TH4419_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)	
69	TH4414	Tin học ứng dụng ngành Kiến trúc 2	2	Ghép_TH4431_BS	6/10 6/10	16/11 9/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	

70	TH4431	Tin học ứng dụng ngành Kiến trúc 2	2	TH4431_BS	6/10 6/10	16/11 9/11	Ngô Thanh Thảo	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	M5.01
71	XD3504.2	Tổ chức thi công	3	XD3504.2_BS	6/10 6/10	16/11 16/11	Cù Huy Tĩnh	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	M5.02
72	MT85222	Văn hóa Việt Nam	2	Ghép_NM8022.2_BS	6/10 6/10	2/11 2/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
73	NM8022.2	Văn hóa Việt Nam.	2	NM8022.2_BS	6/10 6/10	2/11 2/11	Đoàn Thị Hồng Lư	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	Online
74	NM6502.1	Xu hướng thiết kế nội thất đương đại	1	Ghép_NT86021_BS	6/10	2/11		Thứ 4(T13-16)	
75	NT86021	Xu hướng thiết kế nội thất đương đại	1	NT86021_BS	6/10	2/11	Trần Thanh Tùng	Thứ 4(T13-16)	M13.07

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO 

